

Bản án số: 22/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06/6/2024

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Ái Thương và ông Nguyễn Văn Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hằng Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1991.

Đăng ký cư trú: Số 1, ngõ 61 phố Phạm Cảnh Lương, khu Đồng Văn, thị trấn Phú Thái, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: Thôn Đồng Mỹ, xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đăng C, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số A, ngõ F phố P, khu Đ, thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đăng C sau thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/12/2014; trong thời gian vợ chồng chung sống thì chị có phát hiện anh C sử dụng ma túy đá và sử dụng phần lớn số tiền làm được vào việc sử dụng ma túy. Chị cùng bố mẹ đẻ anh C nhiều lần khuyên bảo nhưng anh C không thay đổi nên cuối năm 2021 chị đã về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã K sinh sống. Sau đó anh C và mẹ đẻ xuống gia

đình bố mẹ để chị nói chuyện và chị được bố mẹ đề động viên nên tháng 4/2022 đã quay lại sống cùng anh C, tuy nhiên anh C không thay đổi, không chịu đi làm mặc dù chị và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nên tháng 11/2022 chị và con lại về gia đình bố mẹ để sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Thời gian gần đây thì anh C và mẹ đẻ lại đến gia đình bố mẹ để chị khuyên bảo chị quay về chung sống; nhưng do anh C không thay đổi, vẫn chơi bời lêu lổng nên chị không đồng ý về chung sống cùng anh C. Do vợ chồng sống mâu thuẫn, sống ly thân kéo dài, không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Đăng C.

2. Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị và anh C có 1 con chung là cháu Nguyễn Bảo Ngọc Thiên A, sinh ngày 19/10/2015. Từ khi chị và anh C sống ly thân thì chị đưa cháu về ở cùng tại gia đình bố mẹ đẻ chị, chị là người trực tiếp nuôi dưỡng và lo toan toàn bộ việc sinh hoạt, học tập; anh C thỉnh thoảng xuống thăm con thì chỉ mua cho con gói bánh, không đóng góp gì trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng cũng như học tập của con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Hiện nay chị đang làm Công nhân tại Công ty TNHH H tại khu công nghiệp P, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 7.000.000 đồng; chị và con được bố mẹ đẻ chị tạo điều kiện về chỗ ở, hỗ trợ về kinh tế cũng như trong việc trông nom, chăm sóc con nên đảm bảo điều kiện nuôi con. Anh C hiện nay không làm công việc gì.

3. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Trong thời kỳ hôn nhân thì chị và anh C không có tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Quan điểm của bị đơn:** Quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của đương sự, Tòa án đã nhiều lần triệu tập Bị đơn đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng Bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Tòa án cùng đại diện chính quyền địa phương trực tiếp đến gia đình anh C gặp anh C để làm việc, tuy nhiên anh C từ chối làm việc nên Tòa án đã tiến hành lập Biên bản về việc anh C từ chối làm việc.

Theo yêu cầu của đương sự, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- Xác minh tại UBND thị trấn P, huyện K: Chị L và anh C kết hôn ngày 25/12/2014 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn do anh C sử dụng ma túy, hiện nay vẫn đang ở cùng mẹ đẻ tại khu Đ, thị trấn P và đang tự cai nghiện tại gia đình; anh C không có công việc và thu nhập ổn định. Do vợ chồng mâu thuẫn nên chị L đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã K sinh sống. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án huyện Kim Thành xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị LI (mẹ đẻ của anh C) khai: Chị L và anh C đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương vào năm 2014. Trong thời gian vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn về kinh tế và do anh C có rượu chè và sử dụng ma túy đá.

Hiện nay anh **C** đang tự cai ma túy tại gia đình nên mặc cảm, không tiếp xúc và làm việc với Tòa án; anh **C** cũng không đi làm, không có kinh tế riêng. Chị **L** cũng đã cho anh **C** cơ hội để thay đổi 02 năm nay, nhưng do anh **C** không thay đổi nên nếu chị **L** kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh **C** và chị **L** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Bảo Ngọc Thiên A**, sinh ngày 19/10/2015; hiện nay cháu đang ở cùng chị **L** tại gia đình bố mẹ đẻ chị **L**, nếu vợ chồng chị **L** ly hôn và giao cháu **A** cho chị **L** nuôi dưỡng thì gia đình bà vẫn sẽ có trách nhiệm trông nom, chăm sóc cháu.

Do anh **C** đang tự cai nghiện ma túy, từ chối làm việc nên bà nhận thay anh **C** các văn bản tố tụng và cam đoan sẽ giao trực tiếp cho anh **C** các văn bản này.

- Bà **Vũ Thị T** (là mẹ đẻ của chị **L**) khai: Vợ chồng anh **C** và chị **L** mâu thuẫn do anh **C** sử dụng ma túy, không chịu làm ăn lo cho gia đình; chị **L** khuyên bảo không nghe dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Đến tháng 11/2022, do anh **C** vẫn không thay đổi, không chịu đi làm để lo cho cuộc sống gia đình nên chị **L** và con đã về gia đình bà sinh sống cho đến nay. Thời gian gần đây thì anh **C** và mẹ đẻ lại đến gia đình bà để khuyên bảo chị **L**, nhưng do anh **C** không thay đổi, vẫn chơi bời lêu lổng và sử dụng ma túy nên chị **L** không đồng ý về chung sống cùng anh **C**. Do vợ chồng sống mâu thuẫn, không còn tình cảm, sống ly thân kéo dài đã mấy năm nay nên bà đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị **L**.

Vợ chồng anh **C**, chị **L** có 1 con chung là **Nguyễn Bảo Ngọc Thiên A**, sinh ngày 19/10/2015 hiện đang do chị **L** nuôi dưỡng và sinh sống tại gia đình bà, chị **L** là người trực tiếp nuôi dưỡng và lo toan toàn bộ việc sinh hoạt, học tập cho con; anh **C** không đóng góp gì cho chị **L** để nuôi dưỡng con. Khi ly hôn, nếu chị **L** được quyền nuôi con thì bà cam kết vẫn sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho mẹ con chị về chỗ ở cũng như hỗ trợ chị **L** về kinh tế cũng như trông nom, chăm sóc con khi cháu đi làm.

Do điều kiện công việc bận nên bà đề nghị Tòa án không triệu tập trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Cháu **Nguyễn Bảo Ngọc Thiên A** (là con đẻ của chị **L**, anh **Công** khai): Do bố mẹ cháu mâu thuẫn nên cháu và mẹ cháu đã về gia đình ông bà ngoại tại **thôn Đ, xã K, huyện K** sinh sống từ cuối năm 2022 cho đến nay; việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu hoàn toàn do mẹ cháu lo liệu, bố cháu chỉ thỉnh thoảng đến thăm và mua quà cho cháu. Nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng tiếp tục ở với mẹ đẻ để đảm bảo ổn định việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

Hướng giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L, xử cho chị L được ly hôn với anh Nguyễn Đăng C. Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Nguyễn Bảo Ngọc Thiên A cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ tháng 6/2024 đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị L về việc không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Anh C được quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra vấn đề giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị L chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 29/5/2024, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho các đương sự. Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Bích L và anh Nguyễn Đăng C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/12/2014 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị L, anh C phát sinh mâu thuẫn; mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện; vợ chồng sống ly thân kéo dài, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh C cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng; không chấp hành quy định của pháp luật về việc triệu tập cũng như đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, cung cấp tài liệu

chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tham gia phiên hòa giải, xét xử; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật mà còn không thể hiện nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Mặt khác, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết thì mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục, vẫn tiếp tục sống ly thân kéo dài và chị **L** vẫn giữ yêu cầu khởi kiện ly hôn. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Nguyễn Thị Bích L** về việc ly hôn với anh **Nguyễn Đăng C**.

[4] *Về con chung*: Vợ chồng chị **L**, anh **C** có 01 con chung là cháu **Nguyễn Bảo Ngọc Thiên A**, sinh ngày 19/10/2015 hiện đang do chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Chị **L** có nguyện vọng tiếp tục được trực tiếp nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị **L** có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung; chị có công việc và thu nhập ổn định, được gia đình bố mẹ đẻ tạo điều kiện hỗ trợ về chỗ ở cũng như kinh tế trong việc nuôi con. Khi Tòa án lấy lời khai thì con chung có nguyện vọng được ở với mẹ. Đối với anh **C**, trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu khởi kiện không hợp tác, không trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng con chung; chính quyền địa phương và gia đình xác định anh **C** hiện tại đang tự cai nghiện ma túy, không có công việc và thu nhập. Do vậy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập, cần tiếp tục giao con chung cho chị **L** trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị **L** về việc không yêu cầu anh **C** cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Dương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, Lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 và Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và Lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích L; xử*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Nguyễn Thị Bích L** được ly hôn với anh **Nguyễn Đăng C**.

- *Về con chung*: Giao cho chị **Nguyễn Thị Bích L** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu **Nguyễn Bảo Ngọc Thiên A**, sinh ngày 19/10/2015. Thời

điểm thực hiện quyền, nghĩa vụ đối với việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tính từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Bích L về việc không yêu cầu anh Nguyễn Đăng C phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

- Về tài sản, nợ chung vợ chồng: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23; số 0001947 ngày 20/3/2024. Chị Nguyễn Thị Bích L đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- UBND tt Phú Thái, Kim Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa

